

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **447/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/8/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Anh Chiến**;
2. Ông **Nguyễn Văn Bé**;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân**- Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Mai T**, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh **Lê Văn T1**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, chị **Trần Thị Mai T** trình bày:

Chị và anh **Lê Văn T1** tự nguyện cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 27/11/1998. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu

được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng H, sinh năm 1998 đã trưởng thành và có khả năng lao động được; Lê Trần Mỹ Q, sinh ngày 14/3/2006. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Mỹ Q, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh Lê Văn T1 không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời anh T1 cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc chị Trần Thị Mai T và anh Lê Văn T1 có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, anh chị đã ly thân đầu năm 2020 cho đến nay nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T1, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng, về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Không có, là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, anh Lê Văn T1 vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mai T và anh Lê Văn T1 là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng, chị T trình bày, anh chị kết hôn tự nguyện. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T1 không quan tâm đến gia đình, anh chị ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn anh T1.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh Lê Văn T1 không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời anh T1 cũng vắng mặt tại các phiên hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh T1 cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, thể hiện ý chí không muốn hàn gắn. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 02 người con tên Lê Hoàng H, sinh năm 1998 đã trưởng thành, lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và Lê Trần Mỹ Q, sinh ngày 14/3/2006 hiện đang sống cùng chị T.

Việc Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng là phù hợp với thực tế, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, quá trình tố tụng anh T1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T.

- Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mai T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mai T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

2/ Về con chung: Con chung tên Lê Hoàng H, sinh năm 1998 đã trưởng thành. Giao con chung tên Lê Trần Mỹ Q, sinh ngày 14/3/2006 cho chị Trần Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Văn T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Trần Thị Mai T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0024775 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như đã nộp xong.

Chị Trần Thị Mai T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Lê Văn T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Hạnh